

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS - PT

Ngày 23 - 6 - 2021

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- *Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Ông Phạm Ngọc Toàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” do bản án dân sự số 03/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐ-PT ngày 06/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 31/2021/QĐ-PT ngày 24/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Giàng A T

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T - Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lý A G

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Ông Trần Mạnh H - Địa chỉ: Số 007, đường T, tổ 22, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lý Thị M

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị M: Ông Giàng A T- Địa chỉ: Thôn H - xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lý A G.

5. Người phiên dịch: Chị Giàng Thị P - Địa chỉ: Số 007, phố T, tổ 22, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Giàng A T trình bày:

Ngày 15/02/1997 gia đình ông T có nhận chuyển nhượng của ông Giàng A C thửa đất gồm 350m² đất ở, 7.000m² đất vườn tại thôn H, xã H, huyện Sa Pa (nay là: Thôn H, xã M, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai). Do thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ nên hai bên có lập 01 Giấy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/02/1997 có xác nhận của UBND xã H. Khi bàn giao đất, ông T và ông C không đo đạc diện tích đất chuyển nhượng cụ thể mà chỉ ranh giới đất với các hộ liền kề, trong đó phía Bắc có giáp hộ ông Lý A G, ranh giới này là khe suối nhỏ phân chia đất của hai gia đình. Trên diện tích đất chuyển nhượng ông C đã trồng 13 bụi tre từ bờ khe suối trở vào đến chân tả luy, ngoài ra còn có số cây cối mọc tự nhiên.

Khi chuyển nhượng, ông T và ông C đã thỏa thuận là sẽ làm thủ tục để cấp GCNQSDĐ. Ngày 31/12/1998, UBND huyện Sa Pa cấp GCNQSDĐ số 00108 ngày 31/12/1998 mang tên chủ hộ là ông Giàng A C và bà Lý Thị V. Sau đó, ông C đã giao GCNQSDĐ cho ông T. Trong GCNQSDĐ có diện tích đất trồng lúa là 4.196m² nhưng ông T không mua phần đất này mà chỉ mua đất ở, đất vườn tạp. Từ khi nhận chuyển nhượng đất gia đình ông T đã sử dụng ổn định không phát sinh tranh chấp, tuy nhiên ông T chưa làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ.

Đầu năm 2019 do ông Lý A G trồng cỏ voi vào diện tích đất trồng trong khu vực có 13 bụi tre của gia đình ông T nên đã phát sinh tranh chấp. UBND xã H đã hòa giải tranh chấp nhưng không thành. Tháng 6/2019 ông Lý A G đã chặt toàn bộ 13 khóm tre, ông T đã đề nghị Công an xã H tiến hành kiểm đếm và xác định tổng cộng số tre bị chặt là 239 cây tre có đường kính trung bình 15cm.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc gia đình ông Lý A G phải chấm dứt việc tranh chấp, trả lại quyền sử dụng đất hợp pháp cho gia đình tôi diện tích đất khoảng 1000m² tại Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai và bồi thường thiệt hại giá trị 239 cây tre x 150.000đồng = 35.850.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận quyền sử dụng hợp

pháp của ông Giàng A T đối với diện tích đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án là 979,5m²; Buộc ông Lý A G phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do đã chặt 239 cây tre, mức bồi thường theo giá trị cây cối được Nhà nước bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất tại thời điểm hiện nay là 22.400đồng/1cây.

Bị đơn là anh Lý A G trình bày:

Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do bố mẹ ông Lý A G khai phá và sử dụng từ lâu, không C tranh chấp với ai. Sau khi bố mẹ để lại toàn bộ thửa đất đó cho các con gồm có ông Lý A G, ông Lý A Q và ông Lý A N. Diện tích đất này đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên vợ chồng ông Lý A Q và Giàng Thị D, bao gồm: GCNQSDĐ số AC 822026 cấp ngày 14/7/2005, GCNQSDĐ số M 570477 cấp ngày 31/12/1998, GCNQSDĐ số M 570817 cấp ngày 13/12/1998, GCNQSDĐ số M 570834 cấp ngày 31/12/1998, GCNQSDĐ số M 113681 cấp ngày 30/12/1998.

Sau khi được bố mẹ cho đất thì 03 anh em ông G đã làm nhà ở trên toàn bộ diện tích đất. Năm 2018 ba anh em ông G chia diện tích đất trên thành ba phần. Sau khi ông G được chia đất thì xảy ra tranh chấp với ông Giàng A T, diện tích phần đất tranh chấp có chiều dài theo bờ kè đá khoảng 70m, chiều dài giáp khe suối khoảng 50m, chiều giáp đất của ông G rộng 20m. Tổng diện tích đất khoảng 1.200m². Trên diện tích đất có 13 khóm tre, cây lấy gỗ và cỏ voi trồng xen kẽ.

Đất của ông Giàng A T có nguồn gốc là mua lại của ông Giàng A C, thửa đất có ranh giới giáp với đất của gia đình ông G được phân định bởi một hàng rào đá. Phần đất đang tranh chấp nằm bên trong bờ đá phía đất của gia đình ông G. Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do ông G trồng cỏ voi xen vào khoảng trồng giữa các búi tre thì ông T nhổ đi nên ông G đã chặt toàn bộ 13 khóm tre. Ông G nhất trí với số lượng cây tre bị chặt là 239 cây theo biên bản kiểm đếm của công an xã ngày 17/8/2019. Ông G xác nhận toàn bộ số cây tre trên diện tích đất tranh chấp là do ông C trồng trước khi bán cho ông T nhưng trồng trên đất của bố mẹ ông G, do giữa hai gia đình có quan hệ thông gia với nhau nên ông C trồng tre nhờ trên đất, ngoài ra các cây lấy gỗ là cây sủi mọc tự nhiên từ trước, cỏ voi là do ông G mời trồng trên đất từ đầu năm 2019.

Ông G không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Giàng A T. Tại cấp sơ thẩm, ông G có Đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông G A Tùng phải chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất trên diện tích đất 919,5m² do ông G đang quản lý và phải bồi thường toàn bộ số cỏ voi đã trồng với tổng diện 919,5 m² với số tiền là 54.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị M trình bày:

Bà Lý Thị M là vợ của ông Giàng A T, bà M nhất trí với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của ông T.

Bản án số 03/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thị xã S,

tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 164, 169 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai 2013; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Giàng A T.

Buộc ông Lý A G phải trả lại cho ông Giàng A T diện tích đất đã lấn chiếm là 919,5m² đất tại thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai có vị trí phía Bắc giáp tả luy đất hộ ông D, phía Nam giáp đất hộ gia đình ông Lý A G được phân định bởi khe nước nhỏ có từ trước, phía Đông giáp đất hộ gia đình ông Lý A Q, phía Tây giáp một phần đất ông T mua của ông C.

2. Buộc ông Lý A G phải bồi thường cho ông Giàng A T trị giá 239 cây tre với số tiền là 5.353.600 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lý A G đòi ông Giàng A T phải bồi thường 54.560.000 đồng tiền thiệt hại về cỏ voi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22/02/2021, bị đơn ông Lý A G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Giàng A T và chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị đơn đối với cỏ voi mà nguyên đơn nhỏ bỏ của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Giàng A T giữ nguyên đơn khởi kiện. Đối với Bị đơn ông Lý A G vắng mặt tại phiên tòa, trong Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông G có ý kiến thay đổi một phần nội dung kháng cáo về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã S giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thị xã S, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Lý A G có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ, làm căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa phúc thẩm.

[2] Xét bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai:

[2.1] Về thủ tục tố tụng:

[2.1.1] Nguyên đơn ông Giàng A T trình bày nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do nhận chuyển nhượng của ông Giàng A C ngày 15/02/1997, thời điểm mua đất thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Đến ngày 31/12/1998, UBND huyện Sa Pa cấp GCNQSDĐ số vào sổ 00108 cho hộ ông Giàng A C, bà Lý Thị V. Tuy nhiên, sau đó giữa ông T với ông C không làm thủ tục chuyển nhượng, đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật mà gia đình ông T vẫn quản lý, sử dụng diện tích đất nhận chuyển nhượng và GCNQSDĐ mang tên ông Giàng A C, bà Lý Thị V. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã triệu tập ông Giàng A C đến làm việc để lấy lời khai. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm xác định ông Giàng A C là người làm chứng trong vụ án là có sai sót, lẽ ra phải đưa ông Giàng A C, bà Lý Thị V vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mới đúng pháp luật.

[2.1.2] Bị đơn ông Lý A G trình bày nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do bố mẹ khai hoang, sử dụng ổn định, lâu dài sau đó tặng cho các con là ông Lý A Q, ông Lý A G và ông Lý A N cùng sử dụng. Diện tích đất này đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông Lý A Q và vợ là bà Giàng Thị D. Năm 2018, ông Lý A Q, ông Lý A G và ông Lý A N chia diện tích đất thành 3 phần để sử dụng nhưng không làm thủ tục tách thửa đất, cấp GCNQSDĐ riêng từng hộ. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm cũng không đưa ông Lý A Q và ông Lý A N, bà Giàng Thị D vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Việc xác minh, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án:

Bị đơn ông Lý A G cho rằng thửa đất của gia đình ông đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông Lý A Q và cung cấp cho Tòa án các GCNQSDĐ, cụ thể:

- GCNQSDĐ số M 570477 do UBND huyện Sa Pa cấp ngày 31/12/1998 cho hộ ông Lý A Q, bà Hạng Thị H;

- GCNQSDĐ số AC 872026 do UBND huyện Sa Pa cấp ngày 14/7/2005 cho hộ ông Lý A Q, bà Giàng Thị D;

- GCNQSDĐ số M 113681 do UBND huyện Sa Pa cấp ngày 30/12/1998 cho hộ ông Lý A Q;

- GCNQSDĐ số M 570834 do UBND huyện Sa Pa cấp ngày 31/12/1998 cho ông Lý A Q (B).

Bản án sơ thẩm nhận định các GCNQSDĐ không C sự thống nhất về chủ sử dụng đất và các GCNQSDĐ không thể hiện vị trí, tọa độ cụ thể nên không xác định được diện tích đất được cấp GCNQSDĐ ở đâu nhưng không xác minh, thu thập chứng cứ để xác định diện tích đất tranh chấp có nằm trong GCNQSDĐ ông Lý A Q và bà Giàng Thị D được cấp GCNQSDĐ hay không. Trong các GCNQSDĐ mà ông Lý A G cung cấp có GCNQSDĐ số AC 872026 do UBND huyện Sa Pa cấp ngày 14/7/2005 cho hộ ông Lý A Q, bà Giàng Thị D thể hiện cụ thể vị trí thửa đất, sơ đồ, tọa độ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định toàn bộ các GCNQSDĐ không C vị trí, tọa độ cụ thể nên không xác định được vị trí thửa đất trong giấy chứng nhận này là chưa xem xét, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, triệt để.

Ngoài ra, khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ chỉ tiến hành đo đạc diện tích đất đang tranh chấp mà không thực hiện việc lồng ghép để xác định xem diện tích đất tranh chấp đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân nào chưa, có nằm trong thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Giàng A C hay ông Lý A Q hay không, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào cấp không đúng đối với diện tích đất tranh chấp ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự trong vụ án mà tòa án giải quyết cần phải hủy để chuyển hồ sơ vụ án theo Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự là thiếu sót.

[2.2.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Giàng A T

Theo Đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm ông Giàng A T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Lý A G phải chấm dứt việc tranh chấp, trả lại đất và bồi thường thiệt hại giá trị 239 cây tre theo giá trị cây cối được nhà nước bồi thường khi thu hồi đất là 22.400 đồng/cây. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lý A G có ý kiến nhất trí với số lượng cây tre mà ông đã chặt trên diện tích đất tranh chấp là 239 cây theo Biên bản kiểm kê của Công an xã H ngày 17/8/2019, nhưng không nhất trí bồi thường cũng như giá trị cây cối. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Giàng A T và buộc ông Lý A G phải bồi thường thiệt hại, xác định giá trị theo Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của UBND tỉnh Lào Cai v/v ban hành quyết định đơn giá bồi thường về cây trồng vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể cây tre được thu hoạch được bồi thường là 22.400 đồng/cây mà không tiến hành thủ tục định giá 239 cây tre là sai, Tòa án cấp sơ thẩm cần căn cứ quy định tại Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự để định giá tài sản làm căn cứ giải quyết vụ án mới đúng.

Ngoài ra, khi Tòa án giải quyết Đơn khởi kiện của ông Giàng A T, ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và thụ lý vụ án thiếu yêu cầu khởi kiện

về việc bồi thường thiệt hại. Ngày 06/8/2020, TAND thị xã S ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với ông Giàng A T. Cùng ngày ông Giàng A T nộp biên lai thu tạm ứng án phí cho Tòa án. Tuy nhiên TAND thị xã S không ban hành Thông báo thụ lý bổ sung đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc bồi thường thiệt hại là sai.

[2.2.3] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Lý A G:

Toá án cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai của các đương sự và những người làm chứng về tổng số diện tích cỏ voi ông G trồng trên diện tích đất tranh chấp mà ông T phá bỏ có đúng như biên bản kiểm đếm ngày 19/6/2019 hay không, giá cả diện tích cỏ voi bị ông T phá bỏ các đương sự thống nhất là bao nhiêu, nếu các đương sự không thống nhất được thì phải tiến hành định giá theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự để làm căn cứ giải quyết vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện là thiếu.

[3] Tập hợp các đánh giá tại mục [2], xét thấy bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự về thu thập chứng cứ, thiếu người tham gia tố tụng trong vụ án. Ngoài ra ngày 31/12/2020 Tòa án nhân dân thị xã S mở phiên tòa, tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử đã thảo luận và ban hành quyết định hoãn phiên tòa nhưng hồ sơ vụ án không C biên bản phiên tòa ngày 31/12/2020, tại Biên bản nghị án ngày 05/02/2021 Hội đồng xét xử không nghị án cụ thể về án phí mỗi đương sự phải chịu là thiếu. Các sai sót trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận kháng cáo của Bị đơn ông Lý A G hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo ông Lý A G không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án sơ thẩm 03/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý A G không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Lý A G số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AC/2012/0001002 ngày 23/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND TX S;
- Chi cục THADS TX S;
- Các đương sự;
- Người BV Q&LI HP;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Khoa